

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HS-ST**

Ngày: 17/02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Nguyên Tùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Huỳnh Công Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Địch Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Châu Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

**P M**, sinh năm 1982; tại tỉnh K H. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P M, sinh năm 1959 và bà P T L, sinh năm 1960; có vợ N T T S, sinh năm 1986 và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 20/9/2021; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Ông T X, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

2. T L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

3. Phạm Hoàng Trúc, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

4. V T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

5. N Đ L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

6. N V T, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

7. L V T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

8. N A S, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. N Th S, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

2. N T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

3. P N T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

4. T V Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

5. B V Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

6. L V H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

7. T V V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

8. N T T S, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

9. P T L, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn T L, xã V T, huyện V N, tỉnh K H; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 16/12/2001, N Th S, T V Đ, L V H, N T, P N T, B V Đ và P M chở nhau trên 02 xe mô tô đến cảng cá thuộc thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa ăn nhậu. Sau đó, Sô rủ cả nhóm vào dốc Đá Trắng thuộc xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh để mua dâm nhưng không ai có tiền nên Sô rủ ra Quốc lộ 1A chặn xe ô tô tải để lấy tiền, cả nhóm đồng ý. Khi đến đầu cầu ngoài dốc Đá Trắng, cả nhóm ra đứng giữa đường chặn một số xe ô tô tải hỏi xin tiền nhưng các tài xế không cho. Sô bảo tìm một cây mã tấu không chế tài xế mới lấy tiền được, H nói có một cây mã tấu ngoài Dốc Ké rồi H vào nhà chị Phạm Thị Hương ở thôn T Dân, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh lấy 01 cây mã tấu dài khoảng 40cm đưa cho Sô. Sô cầm mã tấu, T, Th, Đ, Đại, H, M cầm đá đứng hàng ngang giữa đường chặn xe ô tô tải biển số 78K-1076 của anh T X lưu hành hướng Nha Trang – Tuy Hòa. Sô

cầm mã tấu nhảy lên cabin xe không chế anh X đang ngồi bên phụ xe yêu cầu đưa tiền. Anh X không đồng ý thì bị Sô chém trúng môi và vai chảy máu. Thấy cả nhóm đang chặn xe ô tô khác, anh X bảo tài xế lái xe bỏ chạy, cả nhóm dùng xe mô tô rượt đuổi chặn xe anh X lại đòi chém chết những người ngồi trên xe. Người chủ hàng đi trên xe anh X (không rõ tên tuổi, địa chỉ) sợ hãi nên đưa cho Sô 50.000 đồng. Cả nhóm tiếp tục đến đèo Cỏ Mã chặn nhiều xe ô tô tải khác (không xác định người bị hại), Sô, T, Th, H thay phiên nhau nhảy lên cabin xe, cầm mã tấu kê vào cổ, gáy không chế các lái xe buộc đưa tiền, còn M, Đ, Đ1 đứng dưới đường cầm đá chặn xe. Đến khoảng 02 giờ ngày 17/12/2001, cả nhóm lấy được tổng cộng 450.000 đồng rồi đến quán của bà Phan Thị Định ở thôn Tây Nam, xã Đ1 Lảnh, huyện Vạn Ninh ăn nhậu và mua dâm, khi trả tiền thiếu nợ bà Định 80.000 đồng. Khoảng 05 giờ cùng ngày, cả nhóm đi vào thị trấn Vạn Giã rủ anh Nguyễn Th Liêm vào hát karaoke, ăn nhậu chung rồi Sô bảo anh Liêm thế chấp đồng hồ và nhẫn vàng lại cho chủ quán. Sau đó Sô, T, Th, H, M, Đ, Đ1 bàn thống nhất đến khu vực Đèo Cả tiếp tục chặn xe lấy tiền để trả nợ, chuộc tài sản trả lại Liêm và ăn nhậu tiếp. Sô chuẩn bị thêm một cây mã tấu dài 62cm. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/12/2001, cả nhóm ra Đèo Cả thuộc xã Hòa X Nam, huyện Tuy Hòa (nay là thị xã Đông Hòa) chặn xe và thay nhau nhảy lên cabin xe không chế, đe dọa tài xế các xe ô tô tải biển số 52LD-5748 của anh T L lấy 100.000 đồng, xe 43K-4579 của anh Phạm Hoàng Trúc lấy 100.000 đồng, xe 54N-6005 của anh Nguyễn Long Hồ lấy 100.000 đồng và một số xe ô tô tải khác (không xác định người bị hại), lấy của mỗi bị hại ít nhất là 10.000 đồng, nhiều nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm đến quán chị Nguyễn Thị Hận ở Hòa Hiệp Trung, huyện Tuy Hòa, gom tiền lại đếm được 1.110.000 đồng (chưa tính số tiền 30.000 đồng đã mua xăng và thuốc lá trước đó). Sô giữ 1.000.000 đồng, còn 110.000 đồng trả tiền ăn nhậu. Sau đó, cả nhóm đi vào Đèo Cả chặn xe ô tô tải biển số 29M-9540 của anh V T lấy 100.000 đồng, xe 78K-1578 của anh N V T lấy 20.000 đồng và một số xe ô tô tải khác (không xác định người bị hại) lấy 30.000 đồng. Khoảng 24 giờ cùng ngày, cả nhóm đến xã Đ1 Lảnh gặp rủ T V V vào quán bà Phạm Thị Định uống nước 50.000 đồng và trả nợ 80.000 đồng, rồi rủ về nhà V ăn nhậu. Khi ra đường Quốc lộ 1A, cả nhóm thấy xe ô tô tải biển số 78K-2294 do anh Nguyễn An Sơn điều khiển đang chở vịt nên lại xin thì chủ vịt đồng ý, cả nhóm lấy 02 con vịt đem về nhà V.

Công an huyện Vạn Ninh tiếp nhận tố giác đến nhà V bắt giữ Th, T, Đại, Đ. Lúc này, V biết Sô là người giữ tiền cướp được nên nói Sô đưa hết tiền cho V để tránh bị Công an kiểm tra phát hiện. Sô sợ nên đưa cho V 700.000 đồng. V đưa lại cho Sô, H 30.000 đồng và M 50.000 đồng để bỏ trốn, số tiền còn lại V sử dụng cá nhân.

N Th S, N T, P N T, T V Đ, Bùi Vũ Đ, Bùi M H và T V V đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm tại Bản án số 65/HSST ngày 24, 25/9/2002 và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tại Bản án số 363/2003/HSPT ngày 07/5/2003.

P M tiếp tục bỏ trốn, đến ngày 20/9/2021 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKS-P1 ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố P M về tội “Cướp tài sản” theo Điểm d, Khoản 2, Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

**Tại phiên tòa**, bị cáo P M vẫn khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo P M phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Điểm d, Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Điểm d, Khoản 2 Điều 168; Điểm s, Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt P M từ 07 đến 08 năm tù.

Bị cáo Phạm M không tranh luận gì, tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng**

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý của Kiểm sát viên, bị cáo, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo P M tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các đồng phạm; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu là chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong 02 đêm 16 và 17/12/2001 tại dốc Ké, đèo Cổ Mã thuộc huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa và Đèo Cả thuộc xã Hòa X Nam, huyện Tuy Hòa (nay là thị xã Đông Hòa), tỉnh Phú Yên. P M cùng N Th S, N T, P N T, T V Đ, B V Đ và L V H thống nhất với nhau dùng đá, mã tấu chặn xe ô tô, không chế, đe dọa, đánh các tài xế T X, T L, Phạm Hoàng Trúc, Nguyễn Long Hồ, Nhữ Anh Thái, N V T và một số tài xế khác chiếm đoạt tổng số tiền 1.740.000 đồng. Do đó, bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSPY-P1 ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo P M về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội. Tuy nhiên, so sánh Khoản 4 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình

phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình với tội “Cướp tài sản” tại Khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; thì điều luật mới đã quy định một hình phạt nhẹ hơn, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7; Điểm d, Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo Phạm M là phù hợp.

[3] Hành vi của bị cáo Phạm M, thống nhất cùng đồng phạm sử dụng hung khí nguy hiểm như đá, mã tấu chặn nhiều xe ô tô, tấn công nhiều tài xế trong nhiều đêm liên tục, làm người bị hại hoảng sợ phải đưa tiền cho các bị cáo đi ăn ngủ, mua dâm là rất nguy hiểm; không chỉ xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác trái pháp luật, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an – an toàn xã hội trên tuyến Quốc lộ 1A, nơi có rất nhiều xe cộ qua lại; bản thân bị cáo sau khi phạm tội bỏ trốn, gây trở ngại cho hoạt động tố tụng, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đề xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên xem xét lượng hình cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/HSST ngày 24, 25/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Bản án hình sự phúc thẩm số: 363/2003/HSPT ngày 07/5/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo P M bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo P M phạm tội: “Cướp tài sản”.

**1. Về Hình phạt:** Áp dụng Điểm d, Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Điểm d, Khoản 2 Điều 168; Điểm s, Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

**Phạt:** Bị cáo **P M – 08 (Tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2021.

**2. Về án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo P M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC Đà Nẵng ;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- P.KTNV - THAHS;
- Cục THADS Phú Yên ;
- Lưu TA, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Nguyên Tùng**